

Bản án số: 136/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 13 - 11 - 2024
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Đặng Minh Lý
- Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Hoàng Văn Quyết - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 310/2024/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 135/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2024, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà Vương Bảo N, sinh năm 1995; địa chỉ: Số C, đường H, Khu phố F, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương, SĐT 0355.565.940, có mặt.

2. **Bị đơn:** Ông Trần Quốc H, sinh năm 1997; địa chỉ: Thôn S, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước; tạm trú: Nhà trọ B, địa chỉ: Số B, đường Đ, Khu phố A, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, SĐT 0336940768, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- **Tại Đơn khởi kiện đề ngày 06/6/2024 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Vương Bảo N trình bày:**

Về hôn nhân: Bà N và ông Trần Quốc H đăng ký kết hôn ngày 15/9/2020 tại UBND phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận kết hôn số 67.

Sau khi kết hôn, bà N và ông H chung sống tại nhà cha mẹ ruột bà N tại Số C, đường H, Khu phố F, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Ông H làm nghề tài xế chạy xe dịch vụ cho công ty ở thành phố T, lương tháng hơn

10.000.000 đồng, còn bà N làm công nhân tại Công ty L, địa chỉ phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Thời gian đầu chung sống, vợ chồng hạnh phúc, cùng nhau chăm lo cho con chung. Tuy nhiên, đến tháng 12/2023, bà N và ông H xảy ra mâu thuẫn tình cảm, ông H bỏ ra ngoài thuê nhà trọ sống riêng tại địa chỉ Số B, đường Đ, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Nguyên nhân mâu thuẫn do ông H có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác. Bà N không đồng ý thì ông H nói sẽ bảo vệ người phụ nữ đó. Sau này, khi ông H ra nhà trọ sinh sống, bà N đến nhà trọ thì bắt gặp ông H đang sống chung như vợ chồng với người phụ nữ đó. Thấy vậy, bà N báo cho Công an phường H (thời điểm này ông H thuê nhà trọ ở phường H để sinh sống). Tuy nhiên, khi đến hiện trường thì công an không xử lý hành vi vi phạm chế độ hôn nhân gia đình mà đòi xử lý bà N về hành vi gây rối trật tự công cộng. Hiện nay, bà N không biết ông H còn sống chung như vợ chồng với người phụ nữ đó hay không vì bà N không còn quan tâm ông H. Bà N nhận thấy không còn tình cảm với ông H, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông H.

Về con chung: Thời gian chung sống, bà N và ông H có 01 con chung Trần Ngọc Khánh A (nữ), sinh ngày 23/7/2021. Hiện nay, con chung đang sống chung với bà N. Sau khi ly hôn, bà N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà N yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nguyên đơn bà Vương Bảo N giao nộp các tài liệu, chứng cứ sau: *Giấy xác nhận thông tin cư trú của Công an phường T đối với bà N (bản chính); Giấy chứng nhận kết hôn của bà N, ông H (bản chứng thực); Giấy khai sinh của Nguyễn Ngọc Khánh A1 (bản chứng thực); CCD của bà N (bản chứng thực).*

- **Bị đơn ông Trần Quốc H:** Quá trình giải quyết vụ án, không đến Tòa án trình bày sự việc, giao nộp chứng cứ, không tham gia phiên họp về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, không có yêu cầu phản tố.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn bà Vương Bảo N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không giao nộp thêm chứng cứ cho Tòa án.

- Bị đơn ông Trần Quốc H đã được triệu tập họp lệ lần thứ 2 nhưng không đến tham gia phiên tòa. Do đó, căn cứ các điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa xét xử vắng mặt ông H.

- Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của bà N tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát xét thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện về ly hôn, nuôi con của bà N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến trình bày của nguyên đơn và ý kiến phát biểu về quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án (quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự). Do bị đơn có nơi cư trú tại thành phố T, tỉnh Bình Dương nên thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương (quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự). Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn liên quan đến quyền nhân thân nên thuộc trường hợp không áp dụng thời hiệu khởi kiện (quy định tại Điều 39, khoản 1 Điều 155 của Bộ luật Dân sự).

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

[2.1] Xét yêu cầu ly hôn: Bà N, ông H chung sống với nhau có đăng ký kết hôn nên hôn nhân của ông bà được tôn trọng và pháp luật bảo vệ. Bà N nộp đơn yêu cầu ly hôn, trình bày lý do ông H không chung thủy, có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, khi bà N phát hiện, ông H bỏ nhà ra ngoài sống như vợ chồng với người phụ nữ đó. Ông H không đến Tòa án trình bày ý kiến, phản bác ý kiến của bà N. Tòa án thông báo kết quả mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng ông H cũng không có ý kiến phản bác ý kiến của bà N. Do đó, ý kiến trình bày của bà N thuộc trường hợp tình tiết không cần phải chứng minh quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét thấy, vợ chồng phải biết yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau cùng xây dựng gia đình ấm no, hạnh phúc. Tuy nhiên, qua lời trình bày của bà N, thấy rằng: Mâu thuẫn tình cảm giữa bà N và ông H là có thật. Nguyên nhân mâu thuẫn do ông H không chung thủy, bỏ vợ con ra ngoài sống với người phụ nữ khác là vi phạm điều cấm của luật và nghĩa vụ sống chung của vợ chồng được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 5 và khoản 1, 2 Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình. Hiện nay, bà N và ông H vẫn sống ly thân nhau, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, nền tảng một gia đình hạnh phúc không có. Tòa án thông báo cho ông H đến hòa giải, hàn gắn tình cảm nhưng ông H không đến. Chứng tỏ ông H cũng không còn tình cảm với bà N, không mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà N và ông H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N.

[2.2] Về con chung, nuôi con và cấp dưỡng nuôi con:

Theo lời trình bày của bà N và chứng cứ do bà N giao nộp, xác định bà N và ông H có 01 con chung là Trần Ngọc Khánh A (nữ), sinh ngày 23/7/2021. Hiện nay, con chung đang sinh sống cùng bà N. Sau khi ly hôn, bà N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

Xét thấy, con chung còn nhỏ, hiện đang sống cùng bà N, ông H không có trách nhiệm với vợ, con. Do đó, Tòa chấp nhận yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung của bà N.

Xét yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của bà N, thấy rằng: Bà N là người được trực tiếp nuôi con, do đó ông H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 110 của Luật Hôn nhân và gia đình. Số tiền bà N yêu cầu ông H cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng là phù hợp thu nhập, khả năng thực tế của ông H và nhu cầu thiết yếu của con chung. Do đó, căn cứ Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa chấp nhận yêu cầu cấp dưỡng nêu trên của bà N.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà N, ông H không yêu cầu nên Tòa không giải quyết.

[3] Từ những nhận định trên, xét thấy ý kiến phát biểu về quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên có căn cứ chấp nhận.

[4] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà N phải chịu án phí ly hôn, ông H phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật. Bà N được trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp trước đây tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, khoản 4 Điều 147, các điều 266, 273, 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 39, khoản 1 Điều 155 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ các điều 56, 57, 81, 82, 83, 84, 110, 116 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Vương Bảo N đối với bị đơn ông Trần Quốc H về việc “ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

- Về hôn nhân: Bà N được ly hôn ông H (theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 67, đăng ký ngày 15/9/2020 tại UBND phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương).

- Về con chung và nuôi con: Bà N được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Trần Ngọc Khánh A (nữ), sinh ngày 23/7/2021.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Ông H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Trần Ngọc K An 2.000.000đ (hai triệu đồng)/tháng. Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày 13/11/2024 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Không ai được quyền cản trở việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của ông H. Ông H không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi

dưỡng con chung của bà N. Vì lợi ích của con chung, các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày bà N có đơn yêu cầu thi hành án về cấp dưỡng nuôi con, nếu ông H chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thì hàng tháng ông H phải chịu tiền lãi của số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà N, ông H không yêu cầu giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Bà Ngọc chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) đã nộp trước đây theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002130, ngày 16/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một.

Ông H chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một.

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Bà N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án. Viện Kiểm sát có quyền kháng nghị bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Thủ Dầu Một;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thanh Bình